

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-3-2022  
Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Sự.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Phạm Công Hạ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 7, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Khắc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 7, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Đặng Khắc T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 01 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với

nhau tại thôn 7, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Đặng Khắc T chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Do mâu thuẫn nên chị và anh Đặng Khắc T đã ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Lê Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Khắc T.

Về con chung: Chị và anh Đặng Khắc T có 01 con chung tên Đặng Khắc Tương, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006. Từ khi chị và anh Đặng Khắc T ly thân đến nay, con chung do anh Đặng Khắc T nuôi dưỡng chăm sóc nên để ổn định cuộc sống của con, khi ly hôn chị đề anh Đặng Khắc T tiếp tục nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Đặng Khắc T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đặng Khắc T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Khắc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc chị Lê Thị N xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn, về tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là anh Đặng Khắc T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Đặng Khắc T; Về con chung: Giao con chung tên Đặng Khắc Tương, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho anh Đặng Khắc T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Chị Lê Thị N không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao căn cước công dân của chị Lê Thị N; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã CN; Biên

bản xác minh tại Công an xã CN; Biên bản xác minh tại gia đình anh Đặng Khắc T; Đơn đề nghị của chị Lê Thị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Khắc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. **Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Đặng Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 19 tháng 01 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân nhau. Nay chị Lê Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Đặng Khắc T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đặng Khắc T vắng mặt và cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị Lê Thị N xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. Tài liệu xác minh tại địa phương xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng và gia đình anh Đặng Khắc T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Đặng Khắc T đã kéo dài, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nên không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Đặng Khắc T.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Đặng Khắc T có 01 con chung tên Đặng Khắc Tương, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006. Khi ly hôn để con ổn định cuộc sống, nên chị Lê Thị N để anh Đặng Khắc T tiếp tục nuôi con chung và con chung cũng có nguyện vọng muốn ở với anh Đặng Khắc T. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đặng Khắc T vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình anh Đặng Khắc T xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh Đặng Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con Đặng Khắc Tương, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho anh Đặng

Khắc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi: Chị Lê Thị N trình bày để chị Lê Thị N và anh Đặng Khắc T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Khắc T không có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung:

Chị Lê Thị N trình bày, chị và anh Đặng Khắc T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Khắc T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Đặng Khắc T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Khắc Tương, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho anh Đặng Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.  
Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lê Thị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007780 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã CN, h. TN, Tp Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

g;  
y Nguyên;  
ện Thủy Nguyên;  
huyện TN;  
n.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Hạ    Nguyễn Thị Hương**

**Lê Thị Sự**



***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Phù Ninh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**





***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng**

**Lê Thị Sự**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng**

**Lê Thị Sự**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**





